

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

HOÀNG THỊ MAI LAN

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Kế toán

Mã số : 9.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2020

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Đỗ Thị Thục
2. PGS,TS. Trần Văn Thuận**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2020

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Báo cáo tài chính trong DN là phương tiện truyền tải một hệ thống thông tin quan trọng minh chứng cho bức tranh tài chính của DN về vốn, tài sản, nguồn thu nhập, giá trị gia tăng, phương pháp phân phối doanh thu, lợi nhuận, sự tiêu thụ cũng như dự trữ hàng hóa dịch vụ của DN. BCTC là sản phẩm đầu ra của hệ thống thông tin quản lý trong DN giúp chủ sở hữu, các nhà quản lý, các nhà đầu tư và các đối tượng khác sử dụng để lập kế hoạch, đánh giá nhận biết về các hoạt động và tình hình tài chính của DN, từ đó đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp. Việc đảm bảo chất lượng của BCTC để cung cấp thông tin hữu dụng cho người sử dụng thông tin giúp các DN hoạt động hiệu quả, từ đó thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững luôn là sự quan tâm của nhà nước, các cơ quan hữu quan và công chúng. Do vậy có nhiều tác giả và tổ chức nghiên cứu về hệ thống BCTC, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện để nâng cao chất lượng BCTC, cũng như trách nhiệm của DN đối với BCTC để nhằm đáp ứng nhu cầu về thông tin trên BCTC bản thân DN và người sử dụng thông tin trong điều kiện nền kinh tế thị trường phát triển và hội nhập.

Các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam là DN có vốn của Nhà nước và công ích - là những DN sử dụng công quỹ và nguồn lực khan hiếm của Nhà nước và cung cấp dịch vụ thiết yếu gắn với đời sống sản xuất nông nghiệp. VIDMC thực hiện sứ mệnh đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp có tươi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần cung cấp, tạo nguồn nước cho công nghiệp, dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh lương thực, phòng chống khắc phục, hạn chế tác hại do nước gây ra góp phần phát triển ngành sản xuất nông nghiệp. Để có thể thực hiện được sứ mệnh của mình thì VIDMC cần hoạt động một cách hiệu quả, minh bạch trên nền tảng bình đẳng với các DN tư nhân khác. Một trong những nguyên lý chính sách cơ bản là VIDMC có trách nhiệm với công chúng như những DN niêm yết trên thị trường chứng khoán ứng xử với các cổ đông. Vì vậy BCTC trong VIDMC không chỉ cung cấp thông tin tài chính đầy đủ, phù hợp và kịp thời cho các cơ quan quản lý Nhà nước và ban lãnh đạo của VIDMC để nâng cao hiệu quả quản lý mà còn là công cụ để VIDMC thể hiện trách nhiệm giải trình minh bạch tới công chúng về mục tiêu, hoạt động và hiệu quả của VIDMC.

Hiện nay các VIDMC đã từng bước cải tiến công tác kế toán, tuy nhiên qua khảo sát cho thấy BCTC của các VIDMC chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng thông tin trong việc đưa ra các quyết định điều hành, kiểm soát và chiến lược, đã dẫn đến hoạt động kém hiệu quả của VIDMC. Đến nay đã có nhiều nghiên cứu về VIDMC tập trung vào đổi mới cơ chế, chính sách, phương thức quản lý, phân cấp quản lý, mô hình tổ chức quản lý. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng và từng bước nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng đa mục tiêu của các công trình thủy lợi. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu về hệ thống BCTC trong VIDMC phục vụ quản lý và thể hiện trách nhiệm giải trình công khai minh bạch còn hạn chế, nên cần được chú trọng nghiên cứu để tìm ra giải pháp hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị các VIDMC của nhà nước và các bên hữu quan.

Xuất phát từ những phân tích trên cho thấy đề tài nghiên cứu của luận án: ***“Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam”*** có ý nghĩa thời sự và cần thiết cả về lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng hệ thống BCTC trong VIDMC, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và công tác quản lý VIDMC và nâng cao việc thực hiện trách nhiệm giải trình về việc sử dụng các nguồn lực của người dân tới công chúng.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Nghiên cứu tổng quan các công trình khoa học liên quan đến đề tài LA giúp NCS hệ thống hóa và làm rõ được những vấn đề đã được nghiên cứu, đồng thời tìm ra những vấn đề còn bỏ ngỏ cần được tập trung nghiên cứu nhằm đạt được mục tiêu mà LA đã đặt ra.

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài

Tác giả đã khái quát hóa các công trình nghiên cứu có liên quan đến hệ thống BCTC bao gồm các hướng nghiên cứu được trình bày chi tiết sau đây:

- Những nghiên cứu về tác dụng của hệ thống BCTC;
- Những nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng tới BCTC;
- Những nghiên cứu về hệ thống BCTC bao gồm: Những nghiên cứu về ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC; Những nghiên cứu về lập và trình bày BCTC; Những nghiên cứu về trách nhiệm của DN đối với BCTC và những nghiên cứu về chất lượng thông tin trên ;
- Những nghiên cứu về DN quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

2.2. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu

2.2.1. Các kết quả đã nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

2.2.2. Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, hạn chế số lượng các công trình nghiên cứu đề cập tới tác dụng từ phía DN đó là thể hiện trách nhiệm giải trình về việc sử dụng các nguồn lực để tạo ra giá trị của DN;

Thứ hai, những nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới BCTC tập trung nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới BCTC ở phạm vi quốc gia mà ít đề cập tới hệ thống BCTC trong phạm vi của một loại hình DN cụ thể. Hơn nữa, đối với phạm vi trong loại hình DN cụ thể, các công trình nghiên cứu gần đây chủ tập trung vào nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới CLTT trên BCTC. Ngoài ra một số nghiên cứu đã đề cập tới các nhân tố ảnh hưởng tới BCTC trong phạm vi của các DN, nhưng chưa tiến hành khảo sát thực tế tại các DN cụ thể;

Thứ ba, các nghiên cứu về hệ thống BCTC trong DN rất đa dạng và phong phú tuy nhiên các nghiên cứu chưa đề cập tới hoặc đề cập sơ bộ về các nội dung sau:

- + Các công trình nghiên cứu trong nước chưa chú trọng một cách đầy đủ và toàn diện về thuyết minh BCTC để tăng cường trách nhiệm của DN đối với BCTC, qua đó nâng cao trách nhiệm giải trình và minh bạch thông tin trên BCTC;
- + Các nghiên cứu về BCTC được thực hiện đối với các DN nói chung hoặc đối với một số ngành nghề hoạt động kinh doanh nhất định nhưng cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu đã công bố nào nghiên cứu đầy đủ và toàn diện về hệ thống BCTC trong DN quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam;

Thứ tư, các công trình nghiên cứu về trách nhiệm của DN đối với BCTC chưa đề cập một cách toàn diện và đầy đủ về cách thức để DN có thể đảm bảo trách nhiệm đối với BCTC, đặc biệt là trách nhiệm của giám đốc trong việc thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ để có thể nâng cao chất lượng thông tin trên BCTC;

Thứ năm, những nghiên cứu về DN quản lý và khai thác công trình thủy lợi mới chỉ tập trung vào đánh giá hiệu quả hoạt động tưới tiêu và một số nghiên cứu về chi phí của dịch vụ tưới tiêu, mà chưa có những nghiên cứu đầy đủ và toàn diện về hệ thống BCTC của những DN này.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu tổng quát của luận án là: Hệ thống hóa, bổ sung và làm rõ lý luận về hệ thống BCTC trong DN, khảo sát, phân tích thực trạng hệ thống

BCTC trong VIMDC đề đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC, qua đó nâng cao trách nhiệm giải trình công bố thông tin của VIDMC nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin trên BCTC cho VIDMC và các bên liên quan. Để đạt được mục tiêu tổng quát trên, NCS hướng tới mục tiêu nghiên cứu cụ thể như sau:

- Hệ thống hóa, bổ sung và làm rõ lý luận về hệ thống BCTC trong DN;
- Khảo sát hệ thống BCTC trong VIDMC để xác định hướng hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC, bao gồm các khía cạnh cụ thể sau:
 - + Khảo sát tác dụng của hệ thống BCTC trong VIDMC;
 - + Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng tới BCTC trong VIDMC nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC một cách phù hợp;
 - + Khảo sát phân tích thực trạng hệ thống BCTC trong VIDMC, từ đó đánh giá những ưu điểm và hạn chế của hệ thống BCTC trong VIDMC;
 - + Khảo sát thực trạng về trách nhiệm lập và trình bày BCTC trong VIDMC.
- Đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC để thể hiện trách nhiệm giải trình minh bạch thông tin và đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin trên BCTC cho VIDMC và các bên liên quan.

4. Câu hỏi nghiên cứu và khung nghiên cứu

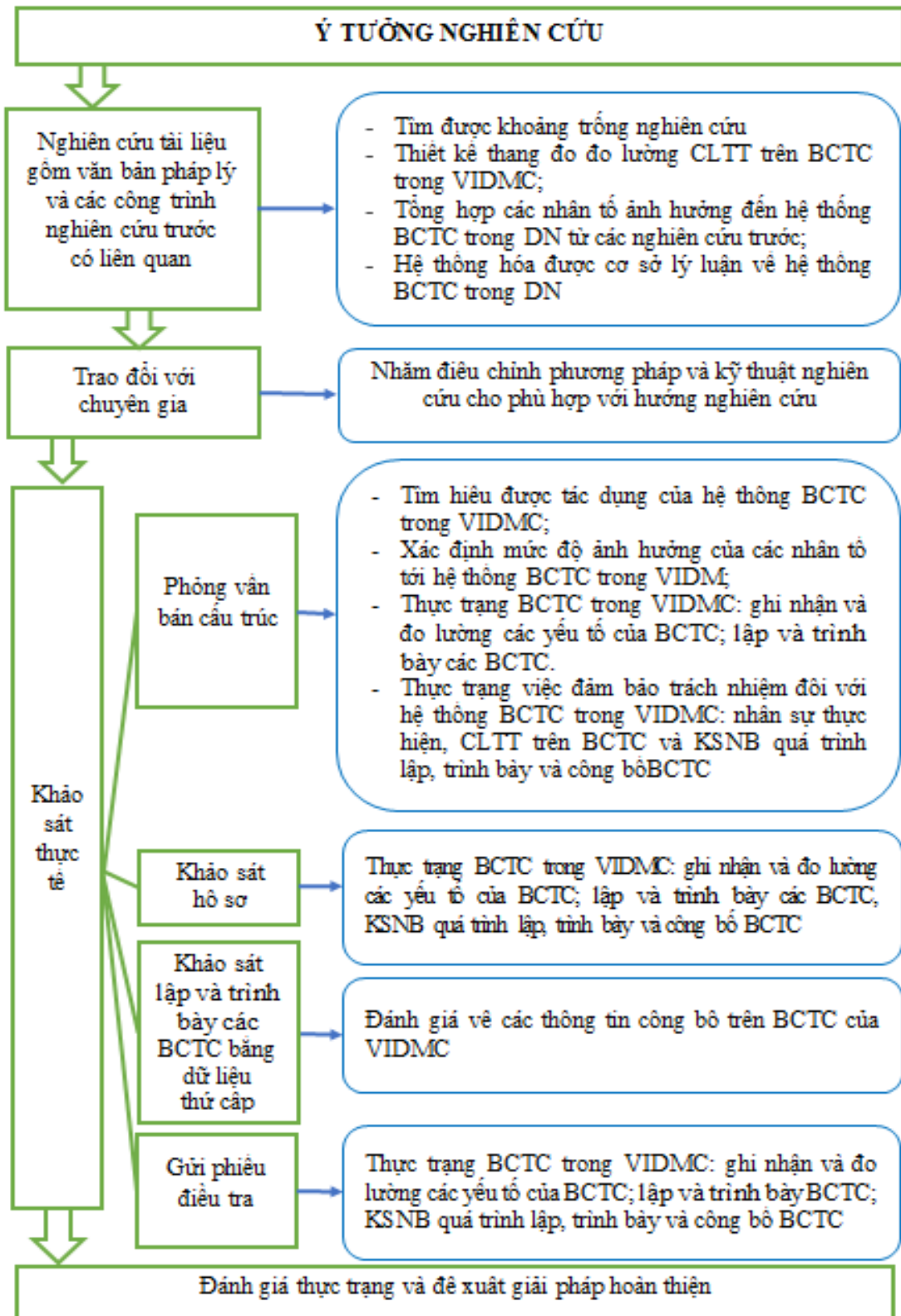
4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu như trên, luận án đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu như sau:

- Tác dụng của hệ thống BCTC trong DN nói chung và trong các VIDMC nói riêng là gì?
- Những nhân tố nào ảnh hưởng tới hệ thống BCTC trong DN nói chung, trong các VIDMC nói riêng?
- Hệ thống BCTC trong DN và thực trạng hệ thống BCTC trong các VIDMC thế nào?
- Trách nhiệm của DN đối với BCTC và việc đảm bảo trách nhiệm đối với hệ thống BCTC trong VIDMC thế nào?
- Những giải pháp nào hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC để thể hiện trách nhiệm giải trình minh bạch thông tin và đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin trên BCTC cho VIDMC và các bên liên quan?

4.2. Khung nghiên cứu

Khung nghiên cứu của luận án được trình bày dưới dạng sơ đồ mục tiêu, kỹ thuật và nội dung như sau:



Sơ đồ 0.1: Khung nghiên cứu của luận án

(Nguồn tác giả)

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* **Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống BCTC trong doanh nghiệp

* **Phạm vi nghiên cứu**

➤ **Phạm vi về nội dung:**

+ Về mặt lý luận, LA nghiên cứu lý luận về hệ thống BCTC trong DN bao gồm: Khái quát về hệ thống BCTC trong DN trên các khía cạnh khái niệm, mục đích và tác dụng của BCTC, nguyên tắc cơ bản lập và trình bày BCTC; Các nhân tố ảnh hưởng tới BCTC trong DN; Hệ thống BCTC trên các khía cạnh ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC; Lập và trình bày BCTC; và trách nhiệm của DN đối với BCTC.

+ Về mặt thực tiễn, LA nghiên cứu về thực trạng hệ thống BCTC trong VIDMC bao gồm: Tác dụng của hệ thống BCTC trong VIDMC; Các nhân tố ảnh hưởng tới BCTC trong VIDMC; Hệ thống BCTC trong VIDMC và trách nhiệm của VIDMC đối với BCTC.

➤ **Phạm vi không gian:**

+ Về mặt lý luận, Luận án nghiên cứu lý luận về hệ thống BCTC thông qua các công trình nghiên cứu và các tài liệu sách giáo trình ở trong nước và thế giới.

+ Về thực tiễn, nghiên cứu được tiến hành đối với các VIDMC. Theo thống kê của Tổng cục thủy lợi có khoảng 83 VIDMC đang hoạt động. Với các nghiên cứu phỏng vấn bán cấu trúc và nghiên cứu thực địa, tác giả tiến hành tại 10 DN. Đối với nghiên cứu mang tính tổng quát thông qua phiếu khảo sát tác giả tiến hành khảo sát toàn bộ VIDMC.

➤ **Phạm vi về thời gian:**

+ Về mặt lý luận, Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận từ các công trình khoa học và các tài liệu sách báo, giáo trình được công bố từ năm 1960 cho đến nay.

+ Về mặt thực tiễn, Luận án nghiên cứu khảo sát hệ thống BCTC của VIDMC được công bố trong giai đoạn 2017 đến nay.

6. Các lý thuyết nền tảng vận dụng cho nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

6.1. Các lý thuyết nền tảng vận dụng cho nghiên cứu

Từ kết quả nghiên cứu tổng quan, NCS tiến hành phân tích các lý thuyết nền tảng có liên quan bao gồm: lý thuyết về thông tin hữu dụng cho việc ra quyết định

(Decision Usefulness Theory), lý thuyết thông tin (Information Theory) và lý thuyết đại diện (Agency Theory).

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án là phương pháp nghiên cứu định tính. Các kỹ thuật nghiên cứu định tính được áp dụng như sau:

6.2.1. Thu thập, phân tích và tổng hợp kết quả nghiên cứu từ các nghiên cứu trước đây có liên quan và văn bản pháp lý chi phối tới hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

Để thực hiện nghiên cứu này, NCS sử dụng phương pháp nghiên cứu là tiến hành thu thập, tra khảo các tài liệu như các ấn phẩm giáo trình, sách chuyên khảo, luận án, bài báo khoa học trong và ngoài nước đã công bố có liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Tác giả đã truy cập tài nguyên điện tử một số tạp chí kế toán hàng đầu và một số nghiên cứu đã hoàn thành bởi các giáo sư và sinh viên tại các trường đại học trên khắp thế giới từ các cổng thông tin của các trường đại học và cổng thông tin của Bộ giáo dục Việt Nam (<https://moet.gov.vn>), ngoài ra còn thu thập các tài liệu được lưu trữ tại thư viện Quốc gia Việt Nam.

Các văn bản pháp lý chi phối tới hệ thống BCTC trong VIDMC bao gồm văn bản pháp lý đặc thù của ngành thủy lợi, văn bản pháp lý đối với việc công bố thông tin của DN có vốn của Nhà nước, các văn bản pháp lý đối với các báo cáo phục vụ mục đích quản lý của nhà quản trị và kiểm soát ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp lý đối với khuôn khổ lập và trình bày BCTC.

6.2.2. Trao đổi với chuyên gia

Tác giả tiến hành trao đổi với các chuyên gia gồm bốn giảng viên giảng dạy kế toán tại các trường đại học, ba KTV độc lập và ba KTV Nhà nước về phương pháp nghiên cứu và thiết kế các câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc (*Phụ lục 2.1: Danh sách chuyên gia tham gia trao đổi*). Việc trao đổi với chuyên gia là giảng viên được tiến hành thảo luận trực tiếp, các chuyên gia là KTV độc lập gửi ý kiến thảo luận qua email, vì thời điểm tác giả tiến hành thảo luận vào thời điểm các KTV đang kiểm toán BCTC cho các khách hàng. Các cuộc trao đổi với chuyên gia là giảng viên được tiến hành bổ sung suốt thời gian làm luận án (*Phụ lục 2.2: Trao đổi với chuyên gia*).

Việc trao đổi với chuyên gia nhằm mục đích điều chỉnh phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu cho phù hợp với hướng nghiên cứu. Sau khi thảo luận tác giả tiến hành tổng hợp các ý kiến và điều chỉnh dàn bài phỏng vấn.

6.2.3. *Khảo sát thực tế*

NCS tiến hành khảo sát thực tế bao gồm phỏng vấn bán cấu trúc, khảo sát hồ sơ và phát phiếu điều tra.

* *Phỏng vấn bán cấu trúc*

➤ Mục tiêu phỏng vấn: Tác giả tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc để tổng hợp những đánh giá của người được phỏng vấn về các nội dung sau (*Phụ lục 2.3. Câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc*):

- + Tìm hiểu được tác dụng của hệ thống BCTC trong VIDMC;
- + Xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới hệ thống BCTC trong VIDMC;
- + Thực trạng BCTC trong VIDMC trên các khía cạnh: ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC; lập và trình bày các BCTC; và việc đảm bảo trách nhiệm đối với BCTC;
- + Đo lường chất lượng thông tin trên BCTC trong VIDMC.

➤ *Cách thức tiến hành*

Phỏng vấn bán cấu trúc là các cuộc trao đổi, thảo luận trong đó người phỏng vấn không thực hiện đúng theo một danh sách các câu hỏi chính thức. Trong quá trình phỏng vấn sẽ thực hiện thêm những câu hỏi mở, cho phép thảo luận với người được phỏng vấn. Tất cả người được phỏng vấn được ẩn danh và khuyến khích nói chuyện dài về nhận thức của họ. Trước mỗi cuộc phỏng vấn, người tham gia được gửi email về mục đích và nội dung của cuộc phỏng vấn. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài trong khoảng thời gian từ 40 đến 90 phút, bao gồm các câu hỏi lựa chọn và các câu hỏi mở. Những người được hỏi được yêu cầu đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới hệ thống BCTC, mức độ ảnh hưởng được đo bằng thang đo Likert (*Từ 1 - Không ảnh hưởng đến 5 - Hoàn toàn ảnh hưởng*) đồng thời đưa ra các nhân tố khác nếu có. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành bằng các cách là thảo luận nhóm trực tiếp (đối với các giảng viên), phỏng vấn trực tiếp (9 cuộc thảo luận), qua điện thoại (7 cuộc thảo luận) và email (16 cuộc thảo luận). Tác giả liên hệ mời các đối tượng tham gia phỏng vấn bằng điện thoại và email, nếu không nhận được sự đồng ý trả lời, tác giả sẽ lựa chọn người phỏng vấn khác để tỉ lệ phản hồi là 100%.

➤ Đối tượng phỏng vấn bao gồm (*phụ lục 2.4. Danh sách đối tượng tham gia phỏng vấn*): Giảng viên kế toán; Kiểm toán viên độc lập, Kiểm toán viên Nhà

nước; Chuyên viên STC quản lý VIDMC; Kế toán trưởng của VIDMC; Chủ tịch hội đồng thành viên/ giám đốc của VIDMC; Các hộ dùng nước.

➤ Thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu phỏng vấn bán cấu trúc:

Các cuộc phỏng vấn đều được ghi âm và việc ghi chép được thay thế trong trường hợp người được phỏng vấn không đồng ý ghi âm. Dữ liệu phỏng vấn thô được tác giả phân tích và tóm tắt lại sau đó phân loại thành các chủ đề chính tổng hợp đưa ra quan điểm của những người tham gia phỏng vấn. Tác giả tiến hành phân tích sâu dữ liệu đã thu thập được để xem xét sự tương đồng và khác biệt giữa các câu trả lời, từ đó tiến hành đưa ra kết quả của nghiên cứu định tính. (*Phụ lục 2.5 Tóm tắt kết quả phỏng vấn*).

Đối với các câu hỏi đánh giá về CLTT trên BCTC và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới hệ thống BCTC, NCS tổng hợp kết quả đánh giá và xử lý dữ liệu bằng thống kê mô tả bởi phần mềm SPSS20.

*** Khảo sát hồ sơ**

➤ Khảo sát thực địa: NCS tiến hành khảo sát hồ sơ tại 10 VIDMC nhằm nghiên cứu thực trạng về ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC, lập và trình bày BCTC và trách nhiệm của VIDMC đối với BCTC. (*Phụ lục 2.6 Danh sách DN khảo sát thực địa*). Tại thực địa tác giả quan sát quá trình lập, trình bày và công bố BCTC, gặp gỡ nhân viên kế toán, tiếp cận phần mềm kế toán, xem xét chứng từ và thu thập BCTC.

➤ Khảo sát hệ thống BCTC bằng dữ liệu thứ cấp: Dữ liệu thứ cấp là hệ thống BCTC của VIDMC được công khai trên các phương tiện truyền thông:

+ Mục tiêu khảo sát: Nhằm đánh giá mức độ trình bày và công bố thông tin trên BCTC của VIDMC.

+ Cách thức tiến hành: NCS tiến hành tìm kiếm các BCTC của VIDMC được công khai trên các phương tiện truyền thông bao gồm trang web của công ty, cổng thông tin của UBND tỉnh các tỉnh và cổng thông tin DN <http://www.business.gov.vn/> (*Phụ lục 2.10: Báo cáo kiểm toán và BCTC của công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Cạn*)

*** Phát phiếu điều tra toàn bộ VIDMC**

Tác giả tiến hành khảo sát toàn bộ 83 DN này (*Phụ lục 2.8: Danh sách DN gửi khảo sát*) để tìm hiểu thực trạng hệ thống BCTC trong tất cả các VIDMC. Phiếu khảo sát được gửi trực tiếp và thông qua email, zalo, facebook bằng ứng

dụng Google Docs và qua đường bưu điện, đối với trường hợp không trả lời khảo sát tác giả tiến hành gọi điện trực tiếp (*Phụ lục 2.7. Mẫu phiếu khảo sát*, đường link khảo sát online <https://forms.gle/x3koJJ6cM8KPwtdh9>). Các phiếu khảo sát phản hồi được tác giả tổng hợp và thống kê mô tả bằng phần mềm SPSS20 (*Phụ lục 2.9. Tổng hợp kết quả khảo sát*).

7. Đóng góp của nghiên cứu

➤ *Về lý luận:* Luận án đã hệ thống hoá, làm rõ và bổ sung lý luận về hệ thống hệ thống BCTC trong DN bao gồm: Phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới hệ thống BCTC trong DN; Các yếu tố của BCTC, ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC; Lập và trình bày các BCTC và trách nhiệm của DN đối với BCTC.

➤ *Về thực tiễn:* Luận án phân tích, đánh giá thực trạng hệ thống BCTC trong VIDMC trong thời gian qua, phân tích các nhân tố ảnh hưởng và chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân của hạn chế. Từ đó, luận án đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC. Các giải pháp đầy đủ, chi tiết trên tất cả các khía cạnh chủ yếu mà luận án nghiên cứu, đó là: Hoàn thiện việc ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC; Hoàn thiện việc lập và trình bày các BCTC; Nâng cao trách nhiệm đối với thống BCTC trong VIDMC và các giải pháp khác.

Những đóng góp của Luận án góp phần làm rõ và bổ sung lý luận về hệ thống thống BCTC trong DN, góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng hệ thống BCTC cũng như trách nhiệm lập và trình bày BCTC trung thực và hợp lý, qua đó nâng cao trách nhiệm giải trình và minh bạch thông tin trong việc sử dụng các nguồn lực của Nhà nước tại các VIDMC, đồng thời là tài liệu tham khảo trong học tập, nghiên cứu về hệ thống BCTC trong các DN tại Việt Nam nói chung.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các danh mục tài liệu, luận án được chia thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận về hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp;

Chương 2: Thực trạng hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam;

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm và mục đích của báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm

BCTC trong DN là tập hợp các báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và luồng tiền hoặc các thông tin khác ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng thông tin trong một kỳ nhất định, được lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực chung phục vụ đại đa số người sử dụng thông tin.

1.1.1.2. Mục đích của báo cáo tài chính

1.1.2. Tác dụng của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

** Tác dụng của BCTC đối với DN cung cấp thông tin*

DN là bên cung cấp BCTC cho các đối tượng liên quan, BCTC có tác dụng sau đây:

➤ Giúp DN chứng minh DN đã tuân thủ các CMKT và quy định pháp lý có liên quan trong quá trình lập, trình bày và công bố BCTC

➤ Giúp DN thực hiện được trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, hợp lý cho các đối tượng sử dụng thông tin theo yêu cầu của luật định và thông lệ chung cũng như theo các quan hệ kinh tế của DN. Qua đó DN đạt được các mục đích sau:

+ Có thể vay được vốn từ các bên cho vay, huy động vốn, tham gia đấu thầu,...

+ Thực hiện được trách nhiệm giải trình và công khai minh bạch thông tin của DN đối với các cơ quan hữu quan và công chúng.

** Tác dụng của BCTC đối với người sử dụng thông tin*

Trong nền kinh tế thị trường, có rất nhiều bên quan tâm sử dụng BCTC để đưa ra các quyết định có liên quan đến DN.

1.1.3. Yêu cầu và nguyên tắc cơ bản lập và trình bày báo cáo tài chính

1.1.3.1. Yêu cầu lập và trình bày BCTC

1.1.3.2. Nguyên tắc cơ bản lập và trình bày báo cáo tài chính

1.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Nhân tố quy định pháp lý

Các yếu tố của quy định pháp lý tác động tới hệ thống BCTC bao gồm: Hệ thống pháp luật, hệ thống thuế và các quy định về kế toán

1.2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp

Bốn đặc điểm của DN chi phối đến hệ thống BCTC, bao gồm Ngành nghề kinh doanh, Mô hình sở hữu vốn, Cơ chế tài chính và Quy mô DN

1.2.3. Công nghệ thông tin trong kế toán

1.2.4. Kiểm soát nội bộ

1.2.5. Năng lực của nhân viên kế toán

1.3. HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.3.1. Hệ thống báo cáo tài chính

1.3.1.1. Khái quát về hệ thống báo cáo tài chính

** Khái niệm về hệ thống báo cáo tài chính*

Hệ thống BCTC là hệ thống tập hợp bao gồm các báo cáo kế toán trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thông tin phi tài chính khác nhằm cung cấp thông tin hữu dụng cho người sử dụng thông tin.

** Các loại báo cáo tài chính*

- Báo cáo tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán);
- Báo cáo lãi hoặc lỗ và thu nhập toàn diện khác (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh);
- Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu ;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh BCTC;

1.3.1.2. Các yếu tố của báo cáo tài chính

** Định nghĩa các yếu tố của báo cáo tài chính*

** Ghi nhận các yếu tố của BCTC*

** Đo lường các yếu tố của BCTC*

1.3.1.3. Lập và trình bày các báo cáo tài chính

1.3.2. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với báo cáo tài chính và cách thức đảm bảo trách nhiệm đối với báo cáo tài chính

1.3.2.1. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với báo cáo tài chính

** Trách nhiệm của DN đối với báo cáo tài chính*

Để thể hiện trách nhiệm giải trình và minh bạch thông tin, thì DN có trách nhiệm lập, trình bày và công bố BCTC trung thực và hợp lý, đặc biệt là đối với những DN đại chúng và doanh nghiệp có vốn của nhà nước. Đồng thời, Giám đốc đại diện cho doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật và các chủ sở hữu và công chúng về trách nhiệm này.

** Yêu cầu về chất lượng thông tin trên BCTC*

Biểu hiện cụ thể của trách nhiệm của DN đối với BCTC đó là lập và trình bày BCTC đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng thông tin trên BCTC.

1.3.2.2. Cách thức đảm bảo trách nhiệm đối với bày báo cáo tài chính

Việc thiết lập và duy trì hệ thống KSNB đối với quá trình lập, trình bày và công bố BCTC là cần thiết để đảm bảo trách nhiệm của DN trong việc cung cấp BCTC trung thực hợp lý.

Các KSNB đối với BCTC được thực hiện trong từng bước công việc của quá trình lập trình bày và công bố BCTC.

1.4. KINH NGHIỆM VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

1.4.1. Kinh nghiệm quốc tế về hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

1.4.1.1. Kinh nghiệm quốc tế về hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nói chung

Kinh nghiệm về hệ thống BCTC trong DN ở một số quốc gia trên thế giới bao gồm Úc, Vương quốc Anh, Malaysia và Singapore.

1.4.1.2. Kinh nghiệm quốc tế về hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp có vốn của Nhà nước

Kinh nghiệm về hệ thống BCTC trong DN có vốn của Nhà nước ở một số quốc gia trên thế giới bao gồm Ấn độ, Hàn Quốc, Malaysia và Thái Lan.

1.4.2. Bài học kinh nghiệm về hệ thống báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp Việt Nam

1.4.2.1. Bài học kinh nghiệm về hệ thống báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung

1.4.2.2. Bài học kinh nghiệm về hệ thống báo cáo tài chính cho các có vốn sở hữu nhà nước

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 2

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

2.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

2.1.1. Khái quát về quá trình hình thành và phát triển của các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức công tác kế toán của các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

2.1.3. Tác dụng của báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

2.1.3.1. Tác dụng của báo cáo tài chính đối với các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

Hệ thống BCTC giúp DN thực hiện được trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, hợp lý cho các đối tượng sử dụng thông tin qua đó thực hiện trách nhiệm giải trình và công khai minh bạch thông tin và sự tuân thủ theo CMKT và quy định pháp lý.

2.1.3.2. Tác dụng của báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam đối với người sử dụng thông tin

**** Đối tượng sử dụng BCTC trong VIDMC***

Nhu cầu sử dụng thông tin trên BCTC của VIDMC thường xuyên là ban quản lý DN và cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

2.2.1. Quy định pháp lý

2.2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

2.2.2.1. Ngành nghề kinh doanh

➤ VIDMC cung cấp dịch vụ công ích vì vậy hệ thống BCTC cần tăng cường các thông tin về việc tạo ra giá trị cho xã hội của DN

➤ VIDMC là doanh nghiệp quản lý vận hành công trình thủy lợi nên có tài sản trên địa bàn rộng, khó khăn trong việc quản lý, theo dõi, kiểm kê, ghi nhận và đánh giá giá trị của TSCĐ.

➤ VIDMC cung cấp các dịch vụ khác ngoài dịch vụ công ích vì mục tiêu lợi nhuận vì vậy BCTC cần cung cấp đầy đủ chi tiết về doanh thu và chi phí từ các hoạt động này

➤ Quy trình cung cấp dịch vụ thủy lợi cũng ảnh hưởng tới việc ghi nhận và đo lường chi phí trên BCTC trong VIDMC

2.2.2.2. Mô hình sở hữu vốn

VIDMC là những DN do Nhà nước làm chủ sở hữu, sử dụng nguồn lực tài sản của Nhà nước để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy thông tin trên BCTC cần đáp ứng như sau:

➤ BCTC của VIDMC phải công khai nội bộ và bên ngoài DN.

➤ BCTC được công bố không chỉ dừng lại cung cấp các thông tin tài chính mà còn thông tin phi tài chính.

➤ Hệ thống BCTC của VIDMC phải thực hiện được chức năng giải trình công khai.

➤ BCTC phải được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập

➤ Đối tượng quan tâm và sử dụng BCTC bao gồm: Nhà quản lý DN, Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công chúng (Người sử dụng dịch vụ)

2.2.2.3. Cơ chế tài chính

2.2.3. Công nghệ thông tin

2.2.4. Kiểm soát nội bộ

2.2.5. Năng lực nhân viên kế toán

2.3. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ VIỆC ĐẢM BẢO TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

2.3.1. Thực trạng hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

2.3.1.1. Thực trạng ghi nhận và đo lường các yếu tố trên báo cáo tài chính

* *Thực trạng về ghi nhận các yếu tố trên BCTC trong VIDMC*

* *Thực trạng đo lường các yếu tố trên BCTC trong VIDMC*

2.3.1.2. Thực trạng lập và trình bày các báo cáo tài chính

2.3.2. Thực trạng việc đảm bảo trách nhiệm đối với hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

2.3.2.1. Thực trạng trách nhiệm của doanh nghiệp đối với báo cáo tài chính

2.3.2.2. Thực trạng về cách thức thực hiện để đảm bảo trách nhiệm đối với báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

Qua khảo sát chứng từ, sổ sách kế toán và BCTC kết hợp với phỏng vấn kế toán trưởng thì KSNB của VIDMC phần lớn là mới đạt tới sự hiện diện cơ bản. Kết quả phỏng vấn cho thấy (*Phụ lục 2.5*) các quy trình thủ tục KSNB không được quy định bằng văn bản mà thường được thực hiện theo thói quen và truyền đạt kinh nghiệm của những người đi trước và có sự điều chỉnh nếu không phù hợp.

Thực trạng về kiểm soát nội bộ đối với từng bước công việc trong quá trình lập, trình bày và công bố BCTC cụ thể như sau:

* *Áp dụng khuôn khổ lập và trình bày BCTC*

* *Thu thập thông tin*

* *Lựa chọn chính sách kế toán và các ước tính kế toán*

* *Kiểm tra đối chiếu số liệu, điều chỉnh sai sót*

* *Lập BCTC*

* *Công bố BCTC*

2.4. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

2.4.1. Những kết quả đạt được

2.4.2. Những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế

2.4.2.1. Những hạn chế còn tồn tại

** Về ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC*

➤ Một số DN tồn tại sai sót trong việc ghi nhận các chỉ tiêu như TSCĐ hữu hình, chi phí khấu hao TSCĐ, phải thu khách hàng, các khoản phải trả, doanh thu, chi phí quản lý DN...

➤ Khái niệm “Giá trị hợp lý” chưa được áp dụng vào việc ghi nhận các yếu tố của BCTC trong VIDMC.

➤ Khảo sát báo cáo kiểm toán BCTC của VIDMC cho thấy nhiều DN không tiến hành kiểm kê tài sản vào thời điểm cuối kỳ

** Về lập và trình bày bảng cân đối kế toán*

Khoản kinh phí Nhà nước cấp bù thủy lợi phí đang được trình bày ở các chỉ tiêu khác nhau, chưa có sự thống nhất giữa các VIDMC

Các công cụ dụng cụ sử dụng trong thời gian dài và có giá trị lớn không được trình bày trên chỉ tiêu chi phí trả trước dài hạn và phân bổ theo từng kỳ mà được tính ngay vào chi phí trong kỳ.

** Về lập và trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Một số khoản thu nhập và chi phí không được ghi nhận đúng kỳ kế toán, những khoản đã phát sinh kỳ này nhưng chưa thu tiền hoặc chưa thanh toán được ghi nhận vào kỳ sau.

** Về lập và trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ*

Tại một số VIDMC còn tồn tại những sai sót từ việc tập hợp số liệu từ các sổ kế toán lên các chỉ tiêu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ và có nhầm lẫn trong việc phân loại của các dòng tiền.

** Về lập và trình bày bản thuyết minh BCTC*

Thuyết minh BCTC trong VIDMC chủ yếu mang tính chung chung, liệt kê, không thể hiện tính đặc thù của DN có vốn của Nhà nước cung cấp dịch vụ công ích.

** Về trách nhiệm đối với BCTC*

➤ Trách nhiệm của GD đối với BCTC chưa cao.

➤ BCTC chưa đáp ứng được kỳ vọng của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

➤ KSNB trong từng bước công việc của quá trình lập, trình bày và công bố BCTC còn tồn tại hạn chế.

2.4.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

** Nhóm nguyên nhân khách quan*

- Quy định và chính sách của Nhà nước:
- Sự kiểm soát và áp lực của cơ quan đại diện chủ sở hữu
- Đặc đặc ngành nghề kinh doanh

** Nhóm nguyên nhân chủ quan*

- Hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán
- Hạn chế về sự hữu hiệu của KSNB
- Hạn chế về trình độ của nhân viên kế toán

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

3.1.1. Định hướng phát triển của các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

3.1.3. Nguyên tắc hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện về hệ thống báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện ghi nhận và đo lường các yếu tố trên báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

** Ghi nhận các yếu tố của BCTC cần đáp ứng cả hai tiêu chuẩn ghi nhận*

** Cải thiện cách thức đo lường các khoản mục trên BCTC*

- Tuân thủ việc kiểm kê vật chất tài sản
- Quản lý, theo dõi các khoản nợ phải thu để tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

3.2.1.2. Giải pháp hoàn thiện nội dung của hệ thống báo cáo tài chính

- * Hoàn thiện lập và trình bày các bảng cân đối kế toán
- * Hoàn thiện lập và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- * Hoàn thiện lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- * Hoàn thiện lập và trình bày bản thuyết minh BCTC

➤ Đặc điểm hoạt động của DN:

Bên cạnh các thông tin theo hướng dẫn của chế độ kế toán về hình thức sở hữu vốn, lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường và cấu trúc DN thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính và kế hoạch, mục tiêu chiến lược của DN có ảnh hưởng đến BCTC.

➤ Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Thuyết minh cho các khoản mục gồm các thông tin sau: bối cảnh của khoản mục, số liệu chi tiết của khoản mục, thông tin về sự thay đổi của khoản mục, các thông tin phi tài chính đáng chú ý của khoản mục.

➤ Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

+ Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Bối cảnh của doanh thu.

- Trình bày số liệu doanh thu chi tiết theo từng hoạt động. Đối với doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ tưới tiêu cần chi tiết theo từng nhóm khách hàng chính.

- Bổ sung số liệu doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ tưới tiêu và các khoản hỗ trợ của Nhà nước ghi nhận trên cơ sở dòng tiền.

+ Giá vốn hàng bán

- Bối cảnh của giá vốn hàng bán

- Những thay đổi về giá trị và kết cấu của giá vốn, lý do của sự thay đổi, các yếu tố và rủi ro có thể ảnh hưởng đến giá vốn của DN

- Trình bày số liệu giá vốn chi tiết theo từng hoạt động. Đối với mỗi hoạt động giá vốn hàng bán chi tiết cho từng loại chi phí cấu thành nên giá vốn.

- Bổ sung số liệu giá vốn hàng bán của hoạt động cung cấp dịch vụ tưới tiêu và ghi nhận trên cơ sở dòng tiền:

➤ Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

+ Chi tiết tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác theo số tiền thu được ngay khi bán hàng, số tiền khách hàng ứng trước và số tiền khách trả sau;

+ Trình bày riêng biệt lượng tiền tăng lên nhằm mục đích duy trì công suất hoạt động của DN

+ Chi tiết tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo số tiền chi trả ngay khi mua hàng, số tiền ứng trước cho nhà cung cấp và số tiền chi trả sau khi mua hàng.

+ Chi tiết chi trả cho người lao động theo số tiền chi trả ngay trong kỳ lương, số tiền người lao động ứng trước và số tiền nợ lương trả sau cho người lao động

+ Đối với những DN đi vay thì cần thuyết minh về số tiền đi vay thực thu trong kỳ và số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ.

➤ Những thông tin khác

Ngoài những thông tin khác như trong hướng dẫn của TT200/2014/TT-BTC, VIDMC cần công bố các thông tin: phân tích hiệu quả hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích và trách nhiệm, thực trạng quản trị và quản lý rủi ro.

+ Phân tích kết quả hoạt động

VIDMC là DN công ích hoạt động vì mục tiêu xã hội, do đó đánh giá hoạt động của VIDM nên hướng tới đánh giá tính kinh tế, tính hiệu quả và tính hiệu lực hoạt động của DN.

- Tính kinh tế: các chỉ số cần công bố bao gồm:

- . Chi phí điện năng cho bơm tiêu/ trên diện tích tưới tiêu
- . Chi phí lao động trực tiếp / diện tích tưới tiêu
- . Chi phí vật tư, nhiên liệu vận hành máy móc / diện tích tưới tiêu
- . Chi phí sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc / tổng doanh thu
- . Chi phí quản lý DN / diện tích tưới tiêu
- . Chi phí thực tế / Chi phí kế hoạch

- Tính hiệu lực: Các chỉ số đánh giá tính hiệu lực cần công bố bao gồm:

. Chỉ số hiệu quả hoạt động của tài sản: Được đo lường bằng tổng TSCĐ của DN/Tổng diện tích tưới tiêu. Chỉ số này nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của DN phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ tưới tiêu.

. Chỉ số mức độ cung cấp dịch vụ tưới tiêu: Chỉ số này được đo lường bằng diện tích đất được tưới tiêu / diện tích đất cần được tưới tiêu. Chỉ số này nhằm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ mà DN phải đảm nhiệm

. Chỉ số chất lượng dịch vụ được đo lường bằng: Tổng diện tích ngập úng không được tiêu kịp thời/Tổng diện tích tiêu; Tổng diện tích khô hạn không được tưới kịp thời/Tổng diện tích tưới

- Tính hiệu quả được đo lường bằng Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ không đạt yêu cầu /Tổng số hộ và DN sử dụng dịch vụ tưới tiêu.

+ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích: Mức độ cung cấp dịch vụ tưới tiêu đáp ứng nhu cầu, mức độ hài lòng của các đối tượng sử dụng nước, những hoạt động của DN đã thực hiện để cải thiện sự hài lòng của các đối tượng sử dụng nước, những hoạt động của DN đã thực hiện để đảm bảo an toàn và cải thiện chất lượng tưới tiêu, các cách thức để các đối tượng sử dụng nước phản hồi về chất lượng tưới tiêu với DN.

- Kết quả thực hiện trách nhiệm xã hội

Một cách trình bày khác về đo lường kết quả của toàn DN và kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội dưới nhiều góc độ khác nhau là sử dụng thẻ điểm cân bằng (balanced scorecard).

+ Thực trạng quản trị và quản lý rủi ro

3.2.2. Giải pháp nâng cao trách nhiệm đối với báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

3.2.2.1. Giải pháp nâng cao trách nhiệm của giám đốc đối với báo cáo tài chính

** Nâng cao nhận thức về công bố BCTC đối với hội đồng thành viên và ban giám đốc DN*

** Giám đốc VIDMC cần cải thiện kiến thức về tài chính*

** Giám đốc VIDMC cần tăng cường mức độ quan tâm và thận trọng khi tham gia vào quá trình lập, trình bày và công bố BCTC*

** Nâng cao tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ quá trình lập và trình bày BCTC*

** Hoàn thiện các kiểm soát chung trong kiểm soát nội bộ*

Cải thiện các kiểm soát chung trong kiểm soát nội bộ bao gồm:

➤ Xây dựng một môi trường văn hóa nhấn mạnh đến sự chính trực và giá trị đạo đức;

➤ Xây dựng quy trình hoạt động và quy trình kiểm soát rõ ràng bằng văn bản đảm bảo được các nguyên tắc ủy quyền phê chuẩn, nguyên tắc phân công phân nhiệm và nguyên tắc bất kiêm nhiệm. Đồng thời truyền đạt rộng rãi các quy trình này trong nội bộ DN;

➤ Mọi thành viên trong DN từ Ban quản trị, BGD tới nhân viên đều phải tuân thủ hệ thống KSNB;

➤ Ban quản trị và BGD cũng như lãnh đạo DN cần thiết lập quy trình đánh giá rủi ro và thường xuyên thực hiện đánh giá rủi ro cũng như các biện pháp đối phó với rủi ro;

➤ Tất cả các nghiệp vụ, giao dịch, sự kiện cần phải được thực hiện đúng thẩm quyền và được phê duyệt thích hợp;

➤ Tất cả các nghiệp vụ, giao dịch và sự kiện cần phải được thể hiện trên văn bản, chứng từ và được ghi sổ một cách đầy đủ, chính xác, hợp lý và kịp thời;

➤ Định kỳ hoặc đột xuất thực hiện các biện pháp kiểm tra độc lập.

3.2.2.2. Giải pháp nâng cao tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính

** Hoàn thiện các kiểm soát cụ thể trong quá trình lập, trình bày và công bố BCTC như sau:*

➤ Hoàn thiện kiểm soát nội bộ đối với thu thập thông tin và xử lý thông tin

➤ Hoàn thiện kiểm soát nội bộ đối với lựa chọn chính sách kế toán và các ước tính kế toán: Giám đốc DN cần có sự tham gia vào quá trình này thông qua sự phê duyệt, khi tiến hành phê duyệt, giám đốc doanh nghiệp nên yêu cầu kế toán trưởng cung cấp những bằng chứng làm cơ sở cho việc lựa chọn đó.

➤ Hoàn thiện kiểm soát nội bộ đối với kiểm tra đối chiếu số liệu và điều chỉnh sai sót

➤ Hoàn thiện kiểm soát nội bộ đối với lập và trình bày BCTC

➤ Hoàn thiện kiểm soát nội bộ đối với công bố BCTC

3.2.3. Các giải pháp khác nhằm tạo điều kiện hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính và nâng cao trách nhiệm đối với báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

3.2.3.1. Giải pháp sửa đổi bổ sung Luật kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng hội tụ với chuẩn mực kế toán quốc tế

3.2.3.2. Giải pháp thiết lập các quy định pháp lý cho phép các doanh nghiệp xây dựng hệ thống báo cáo tài chính linh hoạt

** Cho phép sử dụng kết hợp các cơ sở đo lường các yếu tố của BCTC để làm cho tăng tính phù hợp của thông tin trên BCTC*

** Tái cấu trúc lại BCTC bằng cách thay đổi cách thức trình bày và bố cục của BCTC làm tăng tính hiệu quả truyền đạt thông tin tới người sử dụng BCTC*

- Thay đổi bố cục để cải thiện tính rõ ràng dễ hiểu
- Khuyến khích các DN sử dụng đồ thị, sơ đồ và bảng biểu để tóm tắt thông tin dài, chi tiết và có tính so sánh
- Kèm theo bảng chú giải những thuật ngữ kế toán và thuật ngữ chuyên ngành đặc thù liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN có sử dụng trong báo cáo
- BCTC điện tử cần sử dụng các đường link liên kết trong báo cáo và liên kết với các tài liệu khác để người sử dụng BCTC dễ dàng truy cứu thông tin.
 - * *Cung cấp thông tin chi tiết về doanh thu, chi phí, lãi và lỗ chi tiết cho từng hoạt động sản xuất kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
 - * *Cụ thể và chuẩn hóa thông tin trong thuyết minh BCTC*
- Thuyết minh về các chính sách kế toán áp dụng phải đầy đủ và rõ ràng gồm: Trình bày chính sách kế toán mà DN đã lựa chọn áp dụng; Lý do lựa chọn chính sách kế toán; Tính nhất quán của việc lựa chọn chính sách kế toán; Sự tác động của chính sách kế toán được lựa chọn tới BCTC.
- Bổ sung thuyết minh riêng về ghi nhận các yếu tố của BCTC trên cơ sở dòng tiền đối với những DN có thu nhập và chi phí bằng nguồn ngân sách của Nhà nước.
- Những thay đổi ảnh hưởng đến từng chỉ tiêu trên BCTC cần được công bố và giải thích trên cơ sở chi tiết theo bản chất nội dung giao dịch và sự kiện.
- Tăng cường thuyết minh đối với báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - * *Mở rộng và chuẩn hóa công bố thông tin phi tài chính để làm tăng tính hữu dụng của thông tin trên BCTC*

3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VIỆT NAM

3.3.1. Về phía cơ quan quản lý Nhà nước

3.3.1.1. Về phía chính phủ

3.2.1.2. Về phía Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn/ Ủy ban nhân dân tỉnh

3.3.2. Về phía các doanh nghiệp quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

VIDMC có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thông qua việc đảm bảo tưới tiêu, thoát lũ góp phần tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp phát triển. Hoạt động cung cấp các sản phẩm dịch vụ thủy lợi của VIDMC có ảnh hưởng lớn đến việc đảm bảo mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững và ổn định đời sống của người dân. Để có thể đưa ra các quyết định điều hành các VIDMC đạt được mục tiêu đó, Nhà nước và ban quản lý DN cần phải được cung cấp thông tin tài chính chất lượng. Hơn nữa, VIDMC là DN có vốn của Nhà nước, sử dụng tiền, tài sản và các nguồn lực tự sự đóng góp của người dân, việc sử dụng các nguồn lực đó như thế nào, hiệu quả ra sao cần phải được công khai, minh bạch thông tin cho người dân giám sát và đánh giá. Thông tin tài chính được truyền tải tới cơ quan quản lý Nhà nước, ban quản lý DN và người dân thông qua hệ thống BCTC trong các DN này, vì vậy hệ thống BCTC cung cấp thông tin tài chính hữu dụng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển và đạt được mục tiêu kinh tế xã hội của VIDMC.

Thời gian qua, có rất nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu làm sáng tỏ về lý luận và thực tiễn hệ thống BCTC trong DN, song cho đến nay chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các nội dung về hệ thống BCTC trong VIDMC. Về thực tiễn, hệ thống BCTC trong VIDMC đã được từng bước cải tiến nhằm nâng cao CLTT tài chính phù hợp với chế độ và CMKT hiện hành. Tuy nhiên hệ thống BCTC trong VIDMC vẫn còn những hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin trong nền kinh tế, chưa nâng cao trách nhiệm giải trình thông tin trong việc sử dụng các nguồn lực của nhà nước. Do vậy, cần chú trọng cải tiến và hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC.

Qua phân tích trên cho thấy đề tài của luận án: “*Hoàn thiện hệ thống BCTC trong các DN quản lý và khai thác công trình thủy lợi Việt Nam*” có ý nghĩa thời sự và cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Với mục tiêu hệ thống hóa, làm sáng tỏ lý luận và nghiên cứu để cải tiến và hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC, luận án đạt được những kết quả chủ yếu sau:

1. Luận án đã nghiên cứu tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án bao gồm: Những nghiên cứu về vai trò của hệ thống BCTC; Những nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng tới BCTC; Những nghiên cứu về hệ

thống BCTC (gồm những nghiên cứu về ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC; và những nghiên cứu về lập và trình bày BCTC, những nghiên cứu về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với BCTC); và những nghiên cứu về DN quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Qua đó NCS chỉ rõ kết quả đã đạt được của các nghiên cứu trước đó và khoảng trống cần nghiên cứu làm rõ của đề tài luận án.

2. Luận án đã hệ thống hoá và làm rõ lý luận về hệ thống BCTC trong DN bao gồm khái quát về hệ thống BCTC trên các khía cạnh khái niệm, mục đích, tác dụng của BCTC và nguyên tắc cơ bản lập và trình bày BCTC; những nhân tố ảnh hưởng tới BCTC trong DN; đặc điểm của hệ thống BCTC về các khía cạnh ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC, lập và trình bày các BCTC và trách nhiệm của DN đối với BCTC. Đây là nền tảng lý luận để tác giả nghiên cứu thực tế và đề xuất giải pháp theo phạm vi nghiên cứu.

3. Luận án đã nghiên cứu tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về hệ thống BCTC trong DN và trách nhiệm của DN đối với đặc biệt là các DN có vốn của Nhà nước và rút ra bài học kinh nghiệm cho hệ thống BCTC trong DN Việt Nam.

4. Luận án đã trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của VIDMC, đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức công tác kế toán trong VIDMC; nghiên cứu về tác dụng của BCTC trong VIDMC; nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng tới BCTC đặc biệt là nhân tố đặc điểm của VIDMC. Đồng thời luận án đã mô tả đầy đủ, rõ nét và minh chứng cụ thể về thực trạng hệ thống BCTC trong VIDMC, qua đó phân tích đánh giá, chỉ rõ những ưu điểm, những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong hệ thống BCTC của VIDMC.

5. Luận án đã trình bày rõ định hướng phát triển của ngành thủy lợi Việt Nam, phân tích yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC. Luận án đã mô tả đầy đủ, rõ nét và luận giả cụ thể về hệ thống những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống BCTC trong VIDMC trên các khía cạnh là: ghi nhận và đo lường các yếu tố của BCTC, lập và trình bày các BCTC, nâng cao trách nhiệm đối với BCTC trong VIDMC và các giải pháp khác.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm và đóng góp ý kiến của các nhà khoa học và những người quan tâm đến đề tài nghiên cứu của luận án.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hoàng Thị Mai Lan (2016), *Các nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức công tác kiểm toán báo cáo tài chính của kiểm toán độc lập*, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 02
2. Hoàng Thị Mai Lan, Vũ Thị Nam (2016), *Phân loại kiểm soát nội bộ từ góc nhìn của nhà quản trị doanh nghiệp đối với thông tin kế toán*, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 07
3. Vũ Thị Thu Phương, Hoàng Thị Mai Lan (2018), *Ảnh hưởng của hệ thống thông tin kế toán quản trị và sự cam kết với tổ chức đến hiệu suất quản lý tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Tạp chí Đại học Công nghiệp Hà Nội.
4. Hoàng Thị Mai Lan (2018), *Nghiên cứu tổng quan về hệ thống báo cáo kế toán trong doanh nghiệp*, Hội thảo Khoa học quốc tế Học viện Tài chính (Proceedings of the sustainables economic development and business management in the context of globalisation).
5. Hoàng Thị Mai Lan, Vũ Thị Nam (2018), *Transparency and Disclosure Practice in Accounting Reports of State-owned Enterprises: A Case Study of Vietnamese Irrigation and Drainage Management Companies*, International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2018), November 23, 2018, Hanoi City, Vietnam.
6. Hoàng Thị Mai Lan (2020), *Về phân loại báo cáo kế toán trong doanh nghiệp*, Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, số tháng 1+2.
7. Hoàng Thị Mai Lan (2020), *Quy trình lập báo cáo kế toán quản trị tại các doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình thủy lợi*, Tạp chí Tài chính, số kỳ 1, tháng 3.
8. Hoàng Thị Mai Lan (2020), *Nhận thức của người lập và người sử dụng báo cáo kế toán về việc thực hiện Báo cáo tích hợp trong các Doanh nghiệp Quản lý và Khai thác Công trình Thủy lợi Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, số 214, tháng 3.